

Số: 1982 /QĐ-UBND

Huế, ngày 16 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Công bố danh mục thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành trong lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 416/KH-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2022 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1320/QĐ-BTC ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành, bị bãi bỏ lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3876/TTr-SXD ngày 10 tháng 6 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 17 thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành trong lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng (Có Phụ lục TTHC kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Huế; Giám đốc Sở Xây dựng, Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC (Bộ Tư pháp);
- CT, các PCT UBND thành phố;
- Các PCVP UBND thành phố;
- Trung tâm PVHCC, Công TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, KSTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Hải Minh

Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ MỚI BAN
HÀNH TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ CÔNG SẢN (LĨNH VỰC TÀI
SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ) THUỘC PHẠM VI CHỨC
NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ XÂY DỰNG

*(Kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2026 của
Chủ tịch UBND thành phố Huế)*

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
1	Giao tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
2	Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
3	Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
4	Sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ:

a. Trình tự thực hiện:

a1) Căn cứ kết quả rà soát, thống kê, phân loại tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản Điều 5 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP, cơ quan quản lý đường bộ ở trung ương (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý) chủ trì, lập hồ sơ đề nghị giao tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản (trừ tài sản đã có văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền giao cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản), báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 4 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

a2) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 4 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP xem xét, quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản của cơ quan quản lý đường bộ ở trung ương, cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh về việc giao tài sản: 01 bản chính.

- Biên bản họp liên ngành hoặc ý kiến bằng văn bản về việc giao tài sản của: Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý hoặc tạm quản lý tài sản và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đó; cơ quan, đơn vị có liên quan của Bộ Xây dựng (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), cơ quan, đơn vị có liên quan của địa phương (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý); cơ quan, đơn vị dự kiến được giao quản lý tài sản: 01 bản sao.

- Danh mục tài sản đề nghị giao (tên tài sản; địa chỉ; loại/cấp/hạng; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng/chiều dài/diện tích...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản; cơ quan, đơn vị dự kiến được giao quản lý tài sản) do cơ quan quản lý đường bộ ở trung ương/cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh lập: 01 bản chính.

- Hồ sơ pháp lý về tài sản (Quyết định giao điều chuyển tài sản, Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản hoặc các giấy tờ, tài liệu khác chứng minh quyền quản lý, sử dụng, tạm quản lý tài sản (nếu có)): 01 bản sao.

- Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

c2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

d. Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý đường bộ ở trung ương (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý).

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ trưởng Bộ Xây dựng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định (quy định tại Điều 4 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP).

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định giao quản lý tài sản tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ.

h. Phí, lệ phí: Không có.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

1. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 6, Điều 7 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 4, Điều 5 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

2. Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ.

2.1. Chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ: Lập, phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt.

a. Trình tự thực hiện:

- Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP xem xét, phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1. Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;

- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản sao;

- Đề án khai thác tài sản do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02B tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP: 01 bản chính;

- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

- Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao; Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

c2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt (quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP).

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản.

h. Phí, lệ phí: Không có.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 02B.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

1. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 14 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 8 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

2.2. Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ: Lập, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt.

a. Trình tự thực hiện:

- Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP xem xét, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1. Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;

- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản sao;

- Đề án khai thác tài sản do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02C tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP: 01 bản chính;

- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

- Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao; Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

c2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt (quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP).

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản.

h. Phí, lệ phí: Không có.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 02C.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

1. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 15 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 9 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

2.3. Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ: Lập, phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt

a. Trình tự thực hiện:

- Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP xem xét, phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1. Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;

- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản sao;

- Đề án khai thác tài sản do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02D tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP: 01 bản chính;

- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

- Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao; Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

c2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt (quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP).

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

h. Phí, lệ phí: Không có.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 02D.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

1. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 16 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 10 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

3. Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ:

3.1. Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ

3.1.1. Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc từ Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sang bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác:

a. Trình tự thực hiện:

a1) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ cần điều chuyển, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều 22 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

a2) Trọng thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều 22 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP xem xét, quyết định điều chuyển tài sản theo thẩm quyền.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1. Thành phần hồ sơ:

Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị điều chuyển tài sản: 01 bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị điều chuyển tài sản: 01 bản sao;

Văn bản của cơ quan, tổ chức, đơn vị về việc đề nghị được tiếp nhận tài sản: 01 bản chính và văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó về việc đề nghị được tiếp nhận tài sản: 01 bản sao. Trường hợp việc điều chuyển tài sản do thay đổi về cơ quan quản lý, phân cấp quản lý, phân loại đường bộ thì không bắt buộc phải có văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản và cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận đó;

Phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp (trong trường hợp điều chuyển theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này): 01 bản sao;

Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển theo Mẫu số 01C tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập: 01 bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

c2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: cơ quan, đơn vị quản lý tài sản.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ trưởng Bộ Xây dựng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định (quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều 22 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP).

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ.

h. Phí, lệ phí: Không có.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 01C.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

1. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 22 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 14 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

3.1.2. Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ từ bộ, cơ quan khác ở trung ương sang Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 6 Điều 5 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP:

a. Trình tự thực hiện:

a1) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ cần điều chuyển, cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý tài sản thuộc bộ, cơ quan trung ương lập hồ sơ đề nghị điều chuyển, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm d khoản 2 Điều 22 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

a2) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm d khoản 2 Điều 22 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP xem xét, quyết định điều chuyển tài sản theo thẩm quyền.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1. Thành phần hồ sơ:

Văn bản của cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc bộ, cơ quan trung ương về việc đề nghị điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ sang Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: 01 bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị điều chuyển tài sản: 01 bản sao;

Văn bản của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc đề nghị được tiếp nhận tài sản: 01 bản chính;

Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển theo Mẫu số 01C tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản lập: 01 bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

c2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: cơ quan, đơn vị quản lý tài sản.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương (quy định tại điểm d khoản 2 Điều 22 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP).

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ.

h. Phí, lệ phí: Không có.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 01C.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

1. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 22 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 14 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

3.2. Chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ

a. Trình tự thực hiện:

a1) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ cần chuyển giao, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị chuyển giao tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định 99/2026/NĐ-CP.

a2) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định 99/2026/NĐ-CP xem xét, quyết định việc chuyển giao tài sản.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1. Thành phần hồ sơ:

Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý: 01 bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản (nếu có) về việc đề nghị chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý: 01 bản sao;

Ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi tiếp nhận tài sản) trong trường hợp chuyển giao tài sản thuộc trung ương quản lý: 01 bản chính;

Danh mục tài sản đề nghị chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý theo Mẫu số 01C tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập: 01 bản chính;

Hồ sơ liên quan về lý do đề nghị chuyển giao tài sản (nếu có): 01 bản sao;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

c2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- d. Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.
- đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản.
- e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ.
- h. Phí, lệ phí: Không có.
- i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 01C.
- k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.
- l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 23 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 15 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

3.3. Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ

- a. Trình tự thực hiện:
 - a1) Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị thanh lý tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.
 - a2) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP xem xét, quyết định thanh lý tài sản.
- b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).
- c. Thành phần, số lượng hồ sơ:
 - c1. Thành phần hồ sơ:

Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị thanh lý tài sản: 01 bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản (nếu có) về việc đề nghị thanh lý tài sản: 01 bản sao;

Danh mục tài sản đề nghị thanh lý theo Mẫu số 01C tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP: 01 bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.
 - c2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
- d. Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.
- đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ.

h. Phí, lệ phí: Không có.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 01C.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

1. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 24 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 16 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

3.4. Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

a. Trình tự thực hiện:

a1) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày phát hiện tài sản bị mất, bị hủy hoại, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản có trách nhiệm xác định nguyên nhân (lý do) tài sản bị mất, bị hủy hoại và trách nhiệm của các tập thể, cá nhân có liên quan, lập hồ sơ đề nghị xử lý tài sản bị mất, bị hủy hoại, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 22 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP xem xét, quyết định.

a2) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 44/2024/NĐCP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 22 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP quyết định xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1. Thành phần hồ sơ:

Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị xử lý tài sản (trong đó nêu rõ lý do (nguyên nhân) tài sản bị mất, bị hủy hoại): 01 bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản (nếu có) về việc đề nghị xử lý tài sản: 01 bản sao;

Biên bản xác định tài sản bị mất, bị hủy hoại: 01 bản chính;

Danh mục tài sản bị mất, bị hủy hoại theo Mẫu số 01C tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP: 01 bản chính;

Hồ sơ chứng minh việc tài sản bị mất, bị hủy hoại: 01 bản sao.

c2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

h. Phí, lệ phí: Không có.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 01C.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

1. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 25 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12, khoản 13 Điều 22 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

4. Tên thủ tục: “Sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương pháp đối tác công tư”.

a. Trình tự thực hiện:

a1) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ cần sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

a2) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP xem xét, quyết định sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1. Thành phần hồ sơ:

Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (trong đó nêu rõ lý do sử dụng tài sản để tham gia dự án): 01 bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư: 01 bản sao;

Văn bản của cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh (trong trường hợp tài sản do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp xã quản lý) về việc đề nghị sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư: 01 bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan: 01 bản sao;

Danh mục tài sản đề nghị sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư theo Mẫu số 01C tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP: 01 bản chính; Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

c2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 15 ngày.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

h. Phí, lệ phí: Không có.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 01C.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

1. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 28 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 19 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

Phụ lục II
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH TRONG LĨNH
VỰC QUẢN LÝ CÔNG SẢN (LĨNH VỰC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG
ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA) THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA SỞ XÂY DỰNG

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
1	Giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
2	Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
3	Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
4	Sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

a. Trình tự thực hiện:

a1) Căn cứ kết quả rà soát, thống kê, phân loại tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 38 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP), cơ quan quản lý đường thủy nội địa ở trung ương (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), cơ quan quản lý đường thủy nội địa cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý) chủ trì, lập hồ sơ đề nghị giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản (trừ tài sản đã có văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền giao cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản), báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 6 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Điều 38 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP).

a2) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 6 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP (được sửa đổi bổ sung tại Điều 38 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP) xem xét, quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản của cơ quan quản lý đường thủy nội địa ở trung ương, cơ quan quản lý đường thủy nội địa cấp tỉnh về việc giao tài sản: bản chính.

- Biên bản họp liên ngành hoặc ý kiến bằng văn bản về việc giao tài sản của: Cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý hoặc tạm quản lý tài sản và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó; cơ quan, đơn vị có liên quan của Bộ Xây dựng (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), cơ quan, đơn vị có liên quan của địa phương (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý); cơ quan, đơn vị dự kiến được giao quản lý tài sản: bản chính.

Danh mục tài sản đề nghị giao (tên tài sản; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (khối lượng, chiều dài,...); diện tích; nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản) do cơ quan quản lý đường thủy nội địa ở trung ương, cơ quan quản lý đường thủy nội địa cấp tỉnh lập: bản chính.

- Hồ sơ pháp lý về tài sản (Quyết định giao/điều chuyển tài sản, Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản hoặc các giấy tờ, tài liệu khác chứng minh quyền quản lý, sử dụng, tạm quản lý tài sản - nếu có): 01 bản sao.

- Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): bản sao.

c2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

d. Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý đường thủy nội địa ở trung ương (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), cơ quan quản lý đường thủy nội địa cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý).

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định giao quản lý tài sản tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

h. Phí, lệ phí: Không có.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

1. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 7 Nghị định số 12/2025/NĐCP ngày 20/1/2025 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 38 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

2. Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

2.1. Lập, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt.

a. Trình tự thực hiện:

- Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP xem xét, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1. Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: bản chính;

- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: bản sao;

- Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 12/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP: bản chính; Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ

quan có liên quan (nếu có): bản chính; Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): bản sao;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

c2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt (quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP).

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản.

h. Phí, lệ phí: Không có.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 02B.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

1. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 14 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP ngày 20/1/2025 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

2.2. Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa: Lập, phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt.

a. Trình tự thực hiện:

- Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP xem xét, phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1. Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: bản chính;

- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: bản sao;

- Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02C tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 12/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP: bản chính;

- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): bản chính;

- Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): bản sao;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

c2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt (quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP).

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

h. Phí, lệ phí: Không có.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 02C.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

1. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 15 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP ngày 20/1/2025 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

3. Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

3.1. Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

3.1.1. Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc từ Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sang bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác:

a. Trình tự thực hiện:

a1) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cần điều chuyển, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều 20 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 33 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

a2) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều 20 Nghị định

số 12/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 33 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP xem xét, quyết định điều chuyển tài sản theo thẩm quyền.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1. Thành phần hồ sơ:

- Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị điều chuyển tài sản: bản chính;

- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị điều chuyển tài sản: bản sao;

- Văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị: bản chính và văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó: bản sao. Trường hợp việc điều chuyển tài sản do thay đổi về cơ quan quản lý, phân cấp quản lý, phân loại tài sản thì không bắt buộc phải có văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản và cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận đó;

Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 12/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập: bản chính;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

c2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ. d. Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: cơ quan, đơn vị quản lý tài sản.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ trưởng Bộ Xây dựng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định (quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều 20 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP).

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

h. Phí, lệ phí: Không có.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 01B.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

1. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 20 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP ngày 20/1/2025 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

3.1.2. Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa từ bộ, cơ quan khác ở trung ương sang Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 6 Điều 5 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

a. Trình tự thực hiện:

a1) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cần điều chuyển, cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý tài sản thuộc bộ, cơ quan trung ương lập hồ sơ đề nghị điều chuyển, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm d khoản 2 Điều 20 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 33 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

a2) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm d khoản 2 Điều 20 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 33 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP xem xét, quyết định điều chuyển tài sản theo thẩm quyền.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1. Thành phần hồ sơ:

- Văn bản của cơ quan, đơn vị đang quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc bộ, cơ quan trung ương về việc đề nghị điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa sang Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: bản chính;

- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị điều chuyển tài sản: bản sao;

- Văn bản của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc đề nghị được tiếp nhận tài sản: bản chính;

- Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển theo Mẫu số 01B tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 12/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập: bản chính;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

c2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: cơ quan, đơn vị quản lý tài sản.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

h. Phí, lệ phí: Không có.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 01B.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

1. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 20 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP ngày 20/1/2025 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

3.2. Chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

a. Trình tự thực hiện:

a1) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cần chuyển giao, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị chuyển giao tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này.

a2) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị định 99/2026/NĐ-CP xem xét, quyết định việc chuyển giao tài sản.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1. Thành phần hồ sơ:

- Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị chuyển giao tài sản: bản chính;

- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị chuyển giao tài sản: bản sao;

- Ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi tiếp nhận tài sản) trong trường hợp chuyển giao tài sản thuộc trung ương quản lý: bản chính;

- Danh mục tài sản đề nghị chuyển giao theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 12/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP: bản chính;

- Hồ sơ liên quan về lý do đề nghị chuyển giao tài sản (nếu có): bản sao; Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

c2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

h. Phí, lệ phí: Không có.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 01B.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

1. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 21 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP ngày 20/1/2025 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

3.3. Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

a. Trình tự thực hiện:

a1) Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị thanh lý tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 35 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

a2) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 35 Nghị định số 99/2026/NĐCP xem xét, quyết định thanh lý tài sản.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1. Thành phần hồ sơ: Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị thanh lý tài sản: bản chính;

- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị thanh lý tài sản: bản sao;

- Danh mục tài sản đề nghị thanh lý theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 12/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP: bản chính; - Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

c2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

h. Phí, lệ phí: Không có.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 01B.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

1. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 22 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP ngày 20/1/2025 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

3.4. Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

a. Trình tự thực hiện:

a1) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày phát hiện tài sản bị mất, bị hủy hoại, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản có trách nhiệm xác định nguyên nhân (lý do) tài sản bị mất, bị hủy hoại và trách nhiệm của các tập thể, cá nhân có liên quan, lập hồ sơ đề nghị xử lý tài sản bị mất, bị hủy hoại, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Điều 38 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ xem xét, quyết định.

a2) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số 12/2025/NĐCP, được sửa đổi, bổ sung tại Điều 38 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quyết định xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1. Thành phần hồ sơ:

- Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị xử lý tài sản (trong đó nêu rõ lý do (nguyên nhân) tài sản bị mất, bị hủy hoại): bản chính;

- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị xử lý tài sản: bản chính;

- Biên bản xác định tài sản bị mất, bị hủy hoại: bản chính;

- Danh mục tài sản bị mất, bị hủy hoại theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 12/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP: bản chính;

- Hồ sơ chứng minh việc tài sản bị mất, bị hủy hoại: bản sao.

c2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

h. Phí, lệ phí: Không có.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 01B.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 23 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP ngày 20/1/2025 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

4. Sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

a. Trình tự thực hiện:

a1) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cần sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

a2) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP xem xét, quyết định sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1. Thành phần hồ sơ:

- Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư: bản chính;

- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư: bản sao;

- Văn bản của cơ quan quản lý đường thủy nội địa cấp tỉnh (trong trường hợp tài sản do cơ quan, đơn vị quản lý đường thủy nội địa cấp xã quản lý) về việc sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư: bản chính;

- Ý kiến của các cơ quan có liên quan: bản sao;

- Danh mục tài sản đề nghị sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 12/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP: bản chính; - Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

c2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 15 ngày.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

h. Phí, lệ phí: Không có.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 01B.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

1. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 25 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP ngày 20/1/2025 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

Phụ lục III
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH TRONG LĨNH
VỰC QUẢN LÝ CÔNG SẢN (LĨNH VỰC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG
ĐƯỜNG SẮT) THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ
XÂY DỰNG

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
1	Giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia/tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với đường sắt đô thị)
2	Chuyển từ hình thức giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia đô thị không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp sang hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với đường sắt đô thị)
3	Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia/đô thị	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với đường sắt đô thị)
4	Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia/đô thị	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với đường sắt đô thị)
5	Sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia đô thị để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với đường sắt đô thị)

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia/đô thị theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp: Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị.

a. Trình tự thực hiện:

a1) Căn cứ kết quả rà soát, thống kê, phân loại theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 15/2025/NĐ-CP; cơ quan quản lý đường sắt đô thị lập hồ sơ đề nghị giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

a2) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định, cơ quan, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1) Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản của cơ quan quản lý đường sắt đô thị về việc đề nghị giao tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp: bản chính.

+ Ý kiến bằng văn bản về việc giao tài sản của: Cơ quan, đơn vị có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý, tạm quản lý tài sản và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đó; doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị được đề nghị giao quản lý tài sản: bản sao.

+ Danh mục tài sản đề nghị giao (tên tài sản, tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài, diện tích, khối lượng,...); nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng sử dụng của tài sản; tên tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý, tạm quản lý tài sản) do cơ quan quản lý đường sắt đô thị chủ trì lập: bản sao.

+ Hồ sơ pháp lý về tài sản (Quyết định giao, điều chuyển tài sản, Biên bản giao, tiếp nhận tài sản hoặc các giấy tờ, tài liệu khác chứng minh quyền quản lý, sử dụng, tạm quản lý tài sản - nếu có): bản sao. thị

+ Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): bản sao.

c2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

d. Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý đường sắt đô thị.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị.

h. Phí, lệ phí: Không có.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

1. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 9 Nghị định số 15/2025/NĐCP ngày 03/02/2025 của Chính phủ.

2. Chuyển từ hình thức giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia/đô thị không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp sang hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp: Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị.

a. Trình tự thực hiện:

a1) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị lập hồ sơ đề nghị chuyển từ hình thức giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp sang hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

a2) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định chuyển từ hình thức giao tài sản không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp sang hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

a3) Căn cứ Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc chuyển từ hình thức giao tài sản không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp sang hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị thực hiện việc điều chỉnh danh mục tài sản (gồm: Danh mục tài sản giao theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và danh mục tài sản giao theo hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp), kế toán tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc điện tử trong trường hợp đã có chữ ký số.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1. Thành phần hồ sơ (khoản 2 Điều 10 Nghị định số 15/2025/NĐ-CP ngày 03/02/2025 của Chính phủ):

- Văn bản của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị về việc đề nghị chuyển từ hình thức giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp sang hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (kèm theo bản sao Phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ tại doanh nghiệp bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp): bản chính.

- Danh mục tài sản (tên tài sản, tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài, diện tích, khối lượng,...); nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán; giá trị tài sản được xác định, quyết định theo quy định tại khoản 3 Điều này; tình trạng sử dụng của tài sản): bản chính.

- Hồ sơ pháp lý về tài sản (Quyết định giao, điều chuyển tài sản, Biên bản giao, tiếp nhận tài sản hoặc các giấy tờ, tài liệu khác chứng minh quyền quản lý, sử dụng tài sản): 01 bản sao.

- Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): bản sao.

c2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc chuyển từ hình thức giao tài sản không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp sang hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

h. Phí, lệ phí: Không có.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

1. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 10 Nghị định số 15/2025/NĐ-CP ngày 03/02/2025 của Chính phủ.

3. Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia đô thị: Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị

a. Trình tự thực hiện:

a1) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị lập Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

a2) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản 4 Điều 34, cấp tỉnh vận tải xem xét, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị đô thị.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1. Thành phần hồ sơ:

- Văn bản của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị đô thị về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;

- Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản do doanh nghiệp quản lý đường sắt đô thị lập theo Mẫu số 02B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 15/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP: 01 bản chính;

- Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

c2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị.

h. Phí, lệ phí: Không có.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 02B.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 18 Nghị định số 15/2025/NĐ-CP ngày 03/02/2025 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 44 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

4. Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia/đô thị.

4.1. Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị.

a. Trình tự thực hiện:

a1) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị lập hồ sơ đề nghị thu hồi tài sản, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

a2) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản 4 Điều 22 Nghị định số 15/2025/NĐ-CP, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định thu hồi tài sản.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1. Thành phần hồ sơ:

- Văn bản của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị về việc đề nghị thu hồi tài sản: 01 bản chính;

- Danh mục tài sản đề nghị thu hồi (tên tài sản, tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài, diện tích, khối lượng,...); nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng sử dụng của tài sản); lý do thu hồi: 01 bản chính;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

c2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị.

h. Phí, lệ phí: Không có.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

1. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 15/2025/NĐ-CP ngày 03/02/2025 của Chính phủ.

4.2. Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị

4.2.1. Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị thuộc phạm vi quản lý sang bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác.

a. Trình tự thực hiện:

a1) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị lập hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

a2) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản 3 Điều 23 Nghị định số 15/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 47, Điều 58 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1. Thành phần hồ sơ:

Văn bản của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị về việc đề nghị điều chuyển tài sản: 01 bản chính;

Văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị và cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp đó: 01 bản chính;

Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển (tên tài sản, tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài, diện tích, khối lượng,...); nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng sử dụng của tài sản); lý do điều chuyển: 01 bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

c2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị.

h. Phí, lệ phí: Không có.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

1. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 23, Điều 39 Nghị định số 15/2025/NĐ-CP ngày 03/02/2025 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 47, Điều 58 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

4.2.2. Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc địa phương

a. Trình tự thực hiện:

a1) Cơ quan, đơn vị đang quản lý tài sản đường sắt đô thị lập hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền (Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan, người được phân cấp thẩm quyền quyết định).

a2) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản 3a Điều 23 Nghị định số 15/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 47, Điều 58 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan, người được phân cấp thẩm quyền quyết định xem xét, quyết định điều chuyển tài sản.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1. Thành phần hồ sơ:

Văn bản của cơ quan, đơn vị đang quản lý tài sản về việc đề nghị điều chuyển tài sản: 01 bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản về việc điều chuyển tài sản: 01 bản sao;

Văn bản của cơ quan tiếp nhận tài sản về việc đề nghị được tiếp nhận tài sản: 01 bản chính;

Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển (tên tài sản, tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài, diện tích, khối lượng,...); nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng sử dụng của tài sản); lý do điều chuyển: 01 bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

c2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, đơn vị đang quản lý tài sản.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan được phân cấp thẩm quyền quyết định.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định điều chuyển tài sản.

h. Phí, lệ phí: Không có.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

1. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: điểm a khoản 3a Điều 23 Nghị định số 15/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 47, Điều 58 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP của Chính phủ.

4.3. Chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị.

a. Trình tự thực hiện:

a1) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị lập hồ sơ đề nghị chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị cho các cơ quan chức năng của địa phương quản lý, xử lý, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

a2) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản 4 Điều 40 Nghị định số 15/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 59 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc chuyển giao tài sản.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1. Thành phần hồ sơ:

Văn bản của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị về việc đề nghị chuyển giao tài sản: 01 bản chính;

Danh mục tài sản đề nghị chuyển giao (tên tài sản, tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài, diện tích, khối lượng,...); nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng sử dụng của tài sản; lý do chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý): 01 bản chính;

Hồ sơ liên quan về lý do đề nghị chuyển giao tài sản (nếu có): 01 bản sao;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

c2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị.

h. Phí, lệ phí: Không có.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

1. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 40 Nghị định số 15/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Điều 59 Nghị định số 99/2026/NĐCP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

4.4. Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị:

a. Trình tự thực hiện:

a1) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị lập hồ sơ đề nghị thanh lý tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền (Chủ tịch Ủy ban dân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định).

a2) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản 4 Điều 25 Nghị định số 15/2025/NĐ-CP, Chủ tịch Ủy ban dân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định xem xét, quyết định.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1. Thành phần hồ sơ:

Văn bản của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị về việc đề nghị thanh lý tài sản: 01 bản chính;

Danh mục tài sản đề nghị thanh lý (tên tài sản, tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài, diện tích, khối lượng,...); nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng sử dụng của tài sản); lý do thanh lý: 01 bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

c2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan được phân cấp thẩm quyền quyết định.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị.

h. Phí, lệ phí: Không có.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

1. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 25, Điều 41 Nghị định số 15/2025/NĐ-CP ngày 03/02/2025 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 60 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

4.5. Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

a. Trình tự thực hiện:

a1) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày phát hiện tài sản bị mất, bị hủy hoại, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị có trách nhiệm xác định nguyên nhân (lý do) tài sản bị mất, bị hủy hoại và trách nhiệm của các tập thể, cá nhân có liên quan, lập hồ sơ đề nghị xử lý tài sản bị mất, bị hủy hoại, trình cơ quan, người có thẩm quyền (Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định) xem xét, quyết định.

a2) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1. Thành phần hồ sơ:

Văn bản của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị về việc đề nghị xử lý tài sản: 01 bản chính;

Biên bản xác định tài sản bị mất, bị hủy hoại: 01 bản chính;

Danh mục tài sản bị mất, bị hủy hoại (tên tài sản, tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài, diện tích, khối lượng...); nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng sử dụng của tài sản trước khi bị mất, bị hủy hoại): 01 bản chính;

Hồ sơ chứng minh việc tài sản bị mất, bị hủy hoại: 01 bản sao.

c2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan được phân cấp thẩm quyền quyết định

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

h. Phí, lệ phí: Không có.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

1. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 42 Nghị định số 15/2025/NĐ-CP ngày 03/02/2025 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 63 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

5. Sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia đô thị được đầu tư theo phương pháp đối tác công tư: Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị.

a. Trình tự thực hiện:

a1) Khi có nhu cầu sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư theo quy định của pháp luật, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị lập hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

a2) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định điểm a khoản 3 Điều 44 Nghị định số 15/2025/NĐ-CP, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1. Thành phần hồ sơ:

Văn bản của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị về việc đề nghị sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư: 01 bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan: 01 bản sao;

Danh mục tài sản đề nghị sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 15/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP: 01 bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

c2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 15 ngày.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

h. Phí, lệ phí: Không có.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 01B

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 44 Nghị định số 15/2025/NĐ-CP ngày 03/02/2025 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 62 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

Phụ lục IV
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH TRONG LĨNH
VỰC QUẢN LÝ CÔNG SẢN (LĨNH VỰC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG
HÀNG HẢI) THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
CỦA SỞ XÂY DỰNG

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
1	Giao tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
2	Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
3	Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
4	Sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải.

a. Trình tự thực hiện:

- Căn cứ kết quả rà soát, thống kê, phân loại tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP, cơ quan quản lý hàng hải ở trung ương (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), cơ quan quản lý hàng hải ở địa phương (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý) chủ trì, lập 01 bộ hồ sơ đề nghị giao tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải quy định tại các điểm b, c, d và đ khoản 1 Điều 7 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP cho cơ quan, doanh nghiệp quản lý tài sản quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP, báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 6 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 77 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP của Chính phủ).

- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 6 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 77 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP của Chính phủ) xem xét, quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải đối với trường hợp thuộc thẩm quyền hoặc có văn bản trả lời nêu rõ lý do trong trường hợp từ chối.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản của cơ quan quản lý hàng hải về việc đề nghị giao tài sản (trong đó xác định cụ thể đối tượng được giao và hình thức giao tài sản): bản chính.

- Biên bản họp liên ngành hoặc ý kiến bằng văn bản về việc giao tài sản, hình thức giao tài sản của: Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý hoặc tạm quản lý tài sản và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đó; cơ quan, đơn vị có liên quan của Bộ Xây dựng (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), cơ quan, đơn vị có liên quan của địa phương (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý); cơ quan, doanh nghiệp dự kiến được giao quản lý tài sản: bản sao.

- Danh mục tài sản đề nghị giao (tên tài sản; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng hoặc khối lượng hoặc chiều dài hoặc diện tích,...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); giá trị tài sản được xác định, quyết định theo quy định tại khoản 3 Điều này trong trường hợp giao tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 84/2025/NĐCP theo hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp; tình trạng sử dụng của tài sản) do cơ quan quản lý hàng hải lập: bản chính.

- Hồ sơ pháp lý về tài sản (Quyết định giao, điều chuyển tài sản, Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản hoặc các giấy tờ, tài liệu khác chứng minh quyền quản lý, sử dụng, tạm quản lý tài sản - nếu có): bản sao.

- Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): bản sao.

c2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ. d. Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý hàng hải ở trung ương (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), cơ quan quản lý hàng hải ở địa phương (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý).

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải.

h. Phí, lệ phí: Không có.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

1. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 6, Điều 7 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP ngày 04/4/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 77 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

2. Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải.

2.1. Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải Lập, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Xây dựng/Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt.

a. Trình tự thực hiện:

- Cơ quan quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều 14 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 67 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP của Chính phủ).

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản 6 Điều 14 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 67 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP của Chính phủ), cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều 14 Nghị định số 84/2025/NĐCP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 67 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP của Chính phủ) xem xét, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải hoặc có văn bản trả lời nêu rõ lý do trong trường hợp từ chối.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1. Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: bản chính; Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản do cơ quan quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 84/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP: bản chính;

- Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): bản sao;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

c2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý tài sản ở trung ương, Cơ quan quản lý tài sản ở địa phương.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản.

h. Phí, lệ phí: Không có.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 02B.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

1. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 14 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP ngày 04/4/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Điều 67 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

2.2. Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải

a. Trình tự thực hiện:

- Cơ quan quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều 15 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 68 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP của Chính phủ).

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại khoản 6 Điều 15, điểm a khoản 6 Điều 14 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 67 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP của Chính phủ), cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều 15 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 68 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP của Chính phủ) xem xét, phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải hoặc có văn bản trả lời nêu rõ lý do trong trường hợp từ chối.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1. Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: bản sao; Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản do cơ quan quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02C tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 84/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP: bản chính;

- Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): bản sao;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

c2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý tài sản ở trung ương, Cơ quan quản lý tài sản ở địa phương.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

h. Phí, lệ phí: Không có.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 02C.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

1. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 15 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP ngày 04/4/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Điều 68 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

3. Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải.

3.1. Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải (quy định tại khoản 4 Điều 19 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP của Chính phủ)

a. Trình tự thực hiện:

- Cơ quan quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị thu hồi tài sản, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 19 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 77 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP của Chính phủ).

- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 19 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 77 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP của Chính phủ) xem xét, quyết định thu hồi tài sản theo thẩm quyền hoặc có văn bản trả lời nêu rõ lý do trong trường hợp từ chối.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1. Thành phần hồ sơ:

Văn bản của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị thu hồi tài sản: bản Phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt theo quy định (trong trường hợp thu hồi theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 19): bản sao;

Danh mục tài sản đề nghị thu hồi theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 84/2025/NĐ-CP: bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

c2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, đơn vị quản lý tài

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ trưởng Bộ Xây dựng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải.

h. Phí, lệ phí: Không có.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 01B.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 19 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP ngày 04/4/2025 Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Điều 77 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

3.2. Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải.

3.2.1. Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc từ Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sang bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác:

a. Trình tự thực hiện:

- Cơ quan quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình cơ quan, người có thẩm quyền. Khi có tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải cần điều chuyển, cơ quan quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều 20 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 71 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP của Chính phủ).

- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều 20 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 71 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP của Chính phủ) xem xét, quyết định điều chuyển tài sản đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền hoặc có văn bản trả lời nếu rõ lý do trong trường hợp hợp từ chối.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1. Thành phần hồ sơ:

Văn bản của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị điều chuyển tài sản: bản chính;

Văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị: bản chính và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó: bản sao. Trường hợp việc điều chuyển tài sản do thay đổi về cơ quan quản lý, phân cấp quản lý, phân loại tài sản thì không bắt buộc phải có văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản;

Phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được cơ quan người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp (trong trường hợp điều chuyển theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 20 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 71 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP của Chính phủ): bản sao;

- Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 84/2025/NĐ-CP do cơ quan quản lý tài sản lập: bản chính;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

c2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, đơn vị quản lý tài

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ trưởng Bộ Xây dựng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải.

h. Phí, lệ phí: Không có.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 01B.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

1. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 20 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP ngày 04/4/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Điều 71 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

3.2.2. Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải từ bộ, cơ quan khác ở trung ương sang Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 5 Điều 5 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP.

a. Trình tự thực hiện:

- Khi có tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải cần điều chuyển, cơ quan, đơn vị đang quản lý tài sản thuộc bộ, cơ quan trung ương lập 01 bộ hồ sơ đề nghị điều chuyển, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm d khoản 2 Điều 20 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 71 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP của Chính phủ.

- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm d khoản 2 Điều 20 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 71 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP của Chính phủ xem xét, quyết định điều chuyển tài sản đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền hoặc có văn bản trả lời nêu rõ lý do trong trường hợp từ chối.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1. Thành phần hồ sơ:

- Văn bản của cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thuộc bộ, cơ quan trung ương về việc đề nghị điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải sang Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: bản chính;

- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị điều chuyển tài sản: bản sao;

- Văn bản của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc đề nghị được tiếp nhận tài sản: bản chính;

- Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 84/2025/NĐ-CP do cơ quan quản lý tài sản lập: bản chính; bản sao.

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

c2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: cơ quan, đơn vị quản lý tài

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan, người có thẩm quyền theo phân cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải.

h. Phí, lệ phí: Không có.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 01B.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

1. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 84/2025/NĐ-CP ngày 04/4/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

3.3. Chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải

a. Trình tự thực hiện:

- Khi có tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải cần chuyển giao, cơ quan quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị chuyển giao tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 72 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP của Chính phủ.

- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 72 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP của Chính phủ xem xét, quyết định việc chuyển giao tài sản đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền hoặc có văn bản trả lời nêu rõ lý do trong trường hợp từ chối.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1. Thành phần hồ sơ:

- Văn bản của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị chuyển giao tài sản: bản chính;

- Ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi tiếp nhận tài sản) trong trường hợp chuyển giao tài sản thuộc trung ương quản lý: bản chính;

- Danh mục tài sản đề nghị chuyển giao theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 84/2025/NĐ-CP: bản chính;

- Hồ sơ liên quan về lý do đề nghị chuyển giao tài sản (nếu có): bản sao;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

c2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

- đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, đơn vị quản lý tài
- e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải.
- h. Phí, lệ phí: Không có.
- i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 01B.
- k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.
- 1. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 21 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP ngày 04/4/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Điều 72 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

3.4. Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải

a. Trình tự thực hiện:

Cơ quan quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị thanh lý tài sản trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 73 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 73 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ xem xét, quyết định thanh lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thanh lý tài sản chưa phù hợp.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1. Thành phần hồ sơ:

- Văn bản của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị thanh lý tài sản: bản chính;

- Danh mục tài sản đề nghị thanh lý theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 84/2025/NĐ-CP: bản chính;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

c2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ trưởng Bộ Xây dựng/Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải.

h. Phí, lệ phí: Không có.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 01B.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

1. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 22 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP ngày 04/4/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Điều 73 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

3.5. Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

a. Trình tự thực hiện:

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày phát hiện tài sản bị mất, bị hủy hoại, cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm xác định nguyên nhân (lý do) tài sản bị mất, bị hủy hoại và trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan, lập 01 bộ hồ sơ đề nghị xử lý tài sản bị mất, bị hủy hoại, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 77 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP của Chính phủ.

- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 84/2025/NĐCP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 77 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP của Chính phủ quyết định xử lý tài sản.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1. Thành phần hồ sơ:

- Văn bản của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị xử lý tài sản (trong đó nêu rõ nguyên nhân (lý do) tài sản bị mất, bị hủy hoại): bản chính;

- Biên bản xác định tài sản bị mất, bị hủy hoại: bản chính;

- Danh mục tài sản bị mất, bị hủy hoại theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 84/2025/NĐ-CP: bản chính;

- Hồ sơ chứng minh việc tài sản bị mất, bị hủy hoại: bản sao.

c2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, đơn vị quản lý tài

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

h. Phí, lệ phí: Không có.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 01B.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

1. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 23 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP ngày 04/4/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Điều 77 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

4. Sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương pháp đối tác công tư.

a. Trình tự thực hiện:

- Khi có tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải cần sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, cơ quan quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 26 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 76 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 26 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 76 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ xem xét, quyết định sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền hoặc có văn bản trả lời nêu rõ lý do trong trường hợp từ chối.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1. Thành phần hồ sơ:

- Văn bản của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư: bản chính;

- Ý kiến của các cơ quan có liên quan: bản sao;

- Danh mục tài sản đề nghị sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định Nghị định số 84/2025/NĐ-CP: bản chính;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

c2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 15 ngày.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, đơn vị quản lý tài

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

h. Phí, lệ phí: Không có.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 01B.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

1. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 26 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP ngày 04/4/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Điều 76 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

Mẫu số 01C

BỘ XÂY DỰNG
ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ
CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

DANH MỤC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ/SỬ DỤNG ĐỂ THAM GIA DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ

1. Danh mục tài sản đề nghị xử lý/sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư

ST T	Tài sản (Chi tiết theo từng loại tài sản)	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài...	Diện tích (m ²)			Giá trị (đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý/sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư	Lý do xử lý/ sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu, hầm, bãi đỗ xe...	Nguyên giá	Giá trị còn lại (nếu có)			
i	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Tổng cộng												

2. Các hồ sơ liên quan đến việc xử lý/sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư:

.....

3. Đề xuất, kiến nghị (nếu có)

.....

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN QUẢN LÝ TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

¹ Ghi cụ thể thuộc trường hợp nào tương ứng với từng hình thức xử lý tài sản.

Mẫu số 02B

**BỘ XÂY DỰNG/
ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....
CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Số: .../...-ĐATP

....., ngày ... tháng ... năm ...

ĐỀ ÁN KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ
(Phương thức: Chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản)

I. SỰ CẦN THIẾT THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017” thành “Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15. - Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ.

2. Cơ sở thực tiễn

a) Thông tin về cơ quan lập Đề án khai thác tài sản

- Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ quan lập Đề án khai thác tài sản theo quy định của pháp luật;

- Phương thức khai thác tài sản đang áp dụng.

b) Hồ sơ pháp lý về tài sản dự kiến thực hiện phương thức chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản: Quyết định giao tài sản của Bộ Xây dựng/Ủy ban nhân dân cấp tỉnh...

c) Đánh giá thực trạng về hiệu quả quản lý, khai thác tài sản đang thực hiện thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, đối với tài sản đề xuất dự kiến chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản, cần nêu cụ thể các thông tin:

- Kết quả thực hiện việc khai thác tài sản của 2 năm liền trước năm xây dựng Đề án (doanh thu, chi phí, nộp ngân sách nhà nước, chênh lệch thu chi...) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản (nếu có);

- Kế hoạch phát triển trong các năm tiếp theo.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN

1. Thông tin chủ yếu về tài sản, gồm: Tên tài sản; địa chỉ; loại/cấp/hạng; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng/chiều dài/diện tích...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản.
2. Thời hạn chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản.
3. Phương thức tổ chức thực hiện việc chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản.
4. Cơ sở và phương pháp xác định giá khởi điểm để chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản.
5. Điều kiện của tổ chức tham gia đấu giá.
6. Phương thức thanh toán.
7. Dự kiến nguồn thu từ khai thác tài sản: Doanh thu, chi phí có liên quan đến việc chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản; số tiền nộp ngân sách nhà nước.
8. Nguyên tắc xử lý khi kết thúc thời hạn chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ ĐỂ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

.....
.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN LẬP ĐỀ ÁN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 02C

BỘ XÂY DỰNG/
ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ
.....
CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...-ĐACT

....., ngày ... tháng ... năm

ĐỀ ÁN KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ
(*Phương thức: Cho thuê quyền khai thác tài sản*)

I. SỰ CẦN THIẾT THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017” thành “Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15.

- Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ.

2. Cơ sở thực tiễn

a) Thông tin về cơ quan lập Đề án khai thác tài sản

- Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ quan lập Đề án khai thác tài sản theo quy định của pháp luật;

- Phương thức khai thác tài sản đang áp dụng.

b) Hồ sơ pháp lý về tài sản dự kiến thực hiện phương thức cho thuê quyền khai thác tài sản: Quyết định giao tài sản của Bộ Xây dựng/Ủy ban nhân dân cấp tỉnh...

c) Đánh giá thực trạng về hiệu quả quản lý, khai thác tài sản đang thực hiện thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, đối với tài sản đề xuất dự kiến cho thuê quyền khai thác, cần nêu cụ thể các thông tin:

- Kết quả thực hiện việc khai thác tài sản của 2 năm liền trước năm xây dựng Đề án (doanh thu, chi phí, nộp ngân sách nhà nước, chênh lệch thu chi....) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản (nếu có);

- Kế hoạch phát triển trong các năm tiếp theo.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN

1. Thông tin chủ yếu về tài sản, gồm: Tên tài sản; địa chỉ; loại/cấp/hạng; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng/chiều dài/diện tích...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản.

2. Thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản:

3. Phương thức tổ chức thực hiện việc cho thuê quyền khai thác tài sản.

4. Cơ sở và phương pháp xác định giá khởi điểm để cho thuê quyền khai thác tài sản.

5. Điều kiện của tổ chức tham gia đấu giá.

6. Phương thức thanh toán.

7. Dự kiến nguồn thu từ khai thác tài sản: Doanh thu, chi phí có liên quan đến việc cho thuê quyền khai thác tài sản; số tiền nộp ngân sách nhà nước.

8. Nguyên tắc xử lý khi kết thúc thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản:

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ ĐỂ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

.....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN LẬP ĐỀ
 ÁN**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

BỘ XÂY DỰNG/
ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ
.....
CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...-ĐACN

....., ngày ... tháng ... năm

ĐỀ ÁN KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ
(*Phương thức: Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản*)

I. SỰ CẦN THIẾT THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017” thành “Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15.

- Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ.

2. Cơ sở thực tiễn

a) Thông tin về cơ quan lập Đề án khai thác tài sản

- Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ quan lập Đề án khai thác tài sản theo quy định của pháp luật;

- Phương thức khai thác tài sản đang áp dụng.

b) Hồ sơ pháp lý về tài sản dự kiến thực hiện phương thức chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác: Quyết định giao tài sản của Bộ Xây dựng/Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản...

c) Đánh giá thực trạng về hiệu quả quản lý, khai thác tài sản đang thực hiện thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, đối với tài sản đề xuất dự kiến thực hiện phương thức chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác, cần nêu cụ thể các thông tin:

- Kết quả thực hiện việc khai thác tài sản của 2 năm liền trước năm xây dựng Đề án (doanh thu, chi phí, nộp ngân sách nhà nước, chênh lệch thu chi....) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản (nếu có);

- Kế hoạch phát triển trong các năm tiếp theo.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN

1. Thông tin chủ yếu về tài sản, gồm: Tên tài sản; địa chỉ; loại/cấp/hạng; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng/chiều dài/diện tích...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản.

2. Nội dung dự án đầu tư, nâng cấp mở rộng tài sản được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

3. Thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác.

4. Phương thức tổ chức thực hiện; cơ sở và phương pháp xác định giá khởi điểm để chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

5. Điều kiện của doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ tham gia đấu giá.
6. Phương thức thanh toán.
7. Dự kiến nguồn thu từ khai thác tài sản: Doanh thu, chi phí có liên quan đến việc chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản; số tiền nộp ngân sách nhà nước.
8. Nguyên tắc xử lý khi kết thúc thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ ĐỂ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

.....
.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN LẬP ĐỀ ÁN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

BỘ XÂY DỰNG/UBND TỈNH,
THÀNH PHỐ...
CƠ QUAN, ĐƠN VỊ....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng.... năm.....

DANH MỤC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ, SỬ DỤNG ĐỂ THAM GIA DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ

I. Danh mục tài sản đề nghị xử lý, sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công - tư:

STT	Tên tài sản (Chi tiết theo từng tài sản)	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Thông số cơ bản (Số lượng/ Khối lượng/ Chiều dài...)	Diện tích (m ²)		Giá trị tài sản (đồng)		Tình trạng sử dụng tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý ¹ , sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công - tư
					Đất	Sàn sử dụng	Nguyên giá	Giá trị còn lại (nếu có)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Tổng cộng										

2. Các hồ sơ liên quan đến việc xử lý, sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công - tư:

.....

3. Đề xuất, kiến nghị (nếu có)

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
QUẢN LÝ TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

¹ Ghi cụ thể đề nghị xử lý thuộc trường hợp nào tương ứng với từng hình thức xử lý tài sản.

BỘ XÂY DỰNG/UBND TỈNH,
THÀNH PHỐ...
CƠ QUAN, ĐƠN VỊ....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / -ĐACT

....., ngày... tháng.... năm.....

ĐỀ ÁN KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

(Phương thức: Cho thuê quyền khai thác tài sản)

I. SỰ CẦN THIẾT THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15.

- Nghị định số 12/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ.

2. Cơ sở thực tiễn

a) Thông tin về cơ quan lập Đề án khai thác tài sản

- Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ quan lập Đề án khai thác tài sản theo quy định của pháp luật;

- Phương thức khai thác tài sản đang áp dụng:...

b) Hồ sơ pháp lý về tài sản dự kiến thực hiện phương thức cho thuê: Quyết định giao tài sản của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.,,

c) Đánh giá thực trạng về hiệu quả quản lý, khai thác tài sản đang thực hiện thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, đối với tài sản đề xuất dự kiến cho thuê quyền khai thác, cần nêu cụ thể các thông tin:

- Kết quả thực hiện việc khai thác tài sản của 2 năm liền trước năm xây dựng Đề án (số tiền thu được, chi phí, nộp ngân sách nhà nước,...) của cơ quan được giao quản lý tài sản (nếu có);

- Kế hoạch phát triển trong các năm tiếp theo.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN

1. Thông tin chủ yếu về tài sản (một phần hoặc toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa), gồm: tên tài sản; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (khối lượng, chiều dài,...); diện tích, nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản.

Trường hợp khai thác một phần của từng tài sản thì phải đảm bảo hoạt động giao thông đường thủy nội địa thông suốt, an toàn và không làm ảnh hưởng đến việc quản lý, sử dụng và khai thác đối với phần tài sản còn lại.

2. Thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản.

3. Phương thức tổ chức thực hiện việc cho thuê quyền khai thác tài sản.

4. Cơ sở và phương pháp xác định giá khởi điểm để cho thuê quyền khai thác tài sản.

5. Điều kiện của tổ chức tham gia đấu giá.

6. Hình thức thanh toán tiền cho thuê quyền khai thác tài sản (hằng năm, một lần).

7. Dự kiến nguồn thu từ khai thác tài sản: số tiền thu được, chi phí có liên quan đến việc cho thuê quyền khai thác tài sản; số tiền nộp ngân sách nhà nước.

8. Xử lý tài sản và quyền khai thác tài sản khi kết thúc thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ ĐỂ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

.....
.....
.....
.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN LẬP ĐỀ ÁN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

BỘ XÂY DỰNG/UBND TỈNH,
THÀNH PHỐ...
CƠ QUAN, ĐƠN VỊ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/..... -ĐACN

....., ngày... tháng... năm.....

**ĐỀ ÁN KHAI THÁC
TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA**
(*Phương thức: Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản*)

I. SỰ CẦN THIẾT THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15.

- Nghị định số 12/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ.

2. Cơ sở thực tiễn

a) Thông tin về cơ quan lập Đề án khai thác tài sản

- Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ quan lập Đề án khai thác tài sản theo quy định của pháp luật;

- Phương thức khai thác tài sản đang áp dụng:...

b) Hồ sơ pháp lý về tài sản dự kiến thực hiện phương thức chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản: Quyết định giao tài sản của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh Quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản...

c) Đánh giá thực trạng về hiệu quả quản lý, khai thác tài sản đang thực hiện thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, đối với tài sản đề xuất dự kiến thực hiện phương thức chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác, cần nêu cụ thể các thông tin:

- Kết quả thực hiện việc khai thác tài sản của 2 năm liền trước năm xây dựng Đề án (số tiền thu được, chi phí, nộp ngân sách nhà nước,...) của cơ quan được giao quản lý tài sản (nếu có);

- Kế hoạch phát triển trong các năm tiếp theo.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN

1. Thông tin chủ yếu về tài sản (một phần hoặc toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa), gồm: tên tài sản; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (khối lượng, chiều dài,...); diện tích, nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản.

Trường hợp khai thác một phần của từng tài sản thì phải đảm bảo hoạt động giao thông đường thủy nội địa thông suốt, an toàn và không làm ảnh hưởng đến việc quản lý, sử dụng và khai thác đối với phần tài sản còn lại.

2. Nội dung dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.
3. Thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác.
4. Phương thức tổ chức thực hiện việc chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.
5. Cơ sở và phương pháp xác định giá khởi điểm để chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.
6. Điều kiện của tổ chức tham gia đấu giá.
7. Phương thức thanh toán.
8. Dự kiến nguồn thu từ khai thác tài sản: doanh thu, chi phí có liên quan đến việc chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản; số tiền nộp ngân sách nhà nước.
9. Xử lý tài sản và quyền khai thác tài sản khi kết thúc thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ ĐỂ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

.....
.....
.....
.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ LẬP ĐỀ ÁN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

BỘ XÂY DỰNG/UBND TỈNH,
THÀNH PHỐ...
TÊN DOANH NGHIỆP QUẢN
LÝ TÀI SẢN ĐƯỜNG SẮT
QUỐC GIA/ĐÔ THỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /..... -ĐACN

....., ngày... tháng... năm.....

ĐỀ ÁN KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG SẮT
(*Phương thức: Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt*)

I. SỰ CẦN THIẾT THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;
- Luật đường sắt năm 2017 đã được sửa đổi tại Luật số 95/2025/QH15;
- Nghị định số 15/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ.

2. Cơ sở thực tiễn

a) Thông tin về doanh nghiệp lập Đề án khai thác tài sản

Chức năng, nhiệm vụ/ngành nghề đăng ký kinh doanh, cơ cấu tổ chức bộ máy của doanh nghiệp quản lý đường sắt quốc gia/đô thị lập Đề án khai thác tài sản theo quy định của pháp luật.

2. Cơ sở thực tiễn

a) Thông tin về cơ quan lập Đề án khai thác tài sản

- Chức năng, nhiệm vụ/ngành nghề đăng ký kinh doanh, cơ cấu tổ chức bộ máy của doanh nghiệp lập Đề án khai thác tài sản theo quy định của pháp luật;
- Phương thức khai thác tài sản đang áp dụng

b) Đánh giá thực trạng về hiệu quả quản lý, khai thác tài sản đang thực hiện thuộc phạm vi quản lý.

- Thông tin chủ yếu về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia/đô thị đang thực hiện quản lý, trong đó chi tiết về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia/đô thị dự kiến đề xuất cho thuê quyền khai thác tài sản, gồm: Quyết định giao tài sản; tên tài sản, tên tuyến; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài, diện tích, khối lượng,...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản; phương thức đang thực hiện khai thác.

- Thông tin chủ yếu về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia/đô thị dự kiến đề xuất khai thác:

+ Kết quả thực hiện việc khai thác tài sản của 2 năm liền trước năm xây dựng Đề án (doanh thu, chi phí, nộp ngân sách nhà nước, chênh lệch thu chi....) của doanh nghiệp quản lý tài sản (nếu có);

+ Kế hoạch phát triển trong các năm tiếp theo.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN (đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia/ đô thị dự kiến đề xuất khai thác)

1. Thông tin chủ yếu về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia/đô thị dự kiến đề xuất khai thác (toàn bộ tài sản/một phần của từng tài sản), gồm: Quyết định giao tài sản; tên tài sản, tên tuyến; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài, diện tích, khối lượng,...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản.
2. Lý do (sự cần thiết đề xuất phương thức cho thuê quyền khai thác)
3. Thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản.
4. Phương thức tổ chức thực hiện việc cho thuê quyền khai thác tài sản.
5. Căn cứ và phương pháp xác định giá khởi điểm cho thuê quyền khai thác tài sản.
6. Điều kiện của tổ chức tham gia đấu giá.
7. Hình thức thanh toán tiền cho thuê quyền khai thác tài sản (hằng năm, một lần).
8. Dự kiến nguồn thu từ khai thác tài sản: số tiền thu được, chi phí có liên quan đến việc cho thuê quyền khai thác tài sản; số tiền nộp ngân sách nhà nước.
9. Xử lý tài sản và quyền khai thác tài sản khi kết thúc thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ ĐỂ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

.....

.....

.....

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH
NGHIỆP QUẢN LÝ TÀI SẢN ĐƯỜNG SẮT**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

BỘ XÂY DỰNG/UBND TỈNH THÀNH
PHỐ...
CƠ QUAN.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng.... năm.....

**DANH MỤC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG HÀNG HẢI
ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ¹, SỬ DỤNG ĐỂ THAM GIA DỰ ÁN ĐẦU TƯ
THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ²**

1. Danh mục tài sản đề nghị xử lý, sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư:

STT	Tên tài sản (Chỉ tiết theo từng tài sản)	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Thông số cơ bản (Số lượng/ Khối lượng/ Chiều dài...)	Diện tích (m ²)		Giá trị tài sản (đồng)		Tình trạng sử dụng tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý, sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư
					Đất	Sàn sử dụng	Nguyên giá	Giá trị còn lại (nếu có)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Tổng cộng										

2. Các hồ sơ liên quan đến việc xử lý, sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư:

.....
3. Đề xuất, kiến nghị (nếu có)

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
QUẢN LÝ TÀI SẢN**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

¹ Xử lý tài sản theo quy định tại các Điều (từ Điều 19 đến Điều 24) Nghị định số 84/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại các Điều (từ Điều 71 đến Điều 77) Nghị định số 99/2026/NĐ-CP; ghi cụ thể đề nghị xử lý thuộc trường hợp nào tương ứng với từng hình thức xử lý tài sản.

² Sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Điều 76 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP

BỘ XÂY DỰNG/UBND TỈNH, THÀNH PHỐ... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CƠ QUAN..... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng.... năm.....

Số:-ĐACT

ĐỀ ÁN KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG HÀNG HẢI

(Phương thức: Cho thuê quyền khai thác tài sản)

I. SỰ CẦN THIẾT THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

- Bộ Luật Hàng hải năm 2015;

- Nghị định số 84/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ.

2. Cơ sở thực tiễn

a) Thông tin về cơ quan quản lý tài sản lập Đề án khai thác tài sản: Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ quan quản lý tài sản theo quy định của pháp luật;

b) Đánh giá thực trạng về hiệu quả quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải đang thực hiện thuộc phạm vi quản lý.

c) Về tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải dự kiến thực hiện phương thức cho thuê quyền khai thác quyền khai thác:

- Hồ sơ pháp lý về tài sản dự kiến khai thác: Quyết định giao tài sản của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh...

- Tài sản dự kiến khai thác theo phương thức cho thuê quyền khai thác hiện đang thực hiện khai thác theo hình thức nào? Kết quả thực hiện việc khai thác tài sản của 02 năm liền trước năm xây dựng Đề án (số tiền thu được, chi phí, số tiền nộp ngân sách nhà nước,...) của cơ quan được giao quản lý tài sản (nếu có);

- Kế hoạch phát triển trong các năm tiếp theo.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN

1. Thông tin chủ yếu về tài sản (một phần hoặc toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải), gồm: tên tài sản; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng hoặc khối lượng hoặc chiều dài hoặc diện tích,...); nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng sử dụng của tài sản.

Trường hợp khai thác một phần của từng tài sản theo phương thức cho thuê quyền khai thác tài sản thì phải đảm bảo hoạt động giao thông hàng hải thông suốt, an toàn và không làm ảnh hưởng đến việc quản lý, sử dụng và khai thác đối với phần tài sản còn lại.

2. Thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản.

3. Phương thức tổ chức thực hiện việc cho thuê quyền khai thác tài sản.

4. Cơ sở và phương pháp xác định giá khởi điểm để cho thuê quyền khai thác tài sản.

5. Điều kiện của tổ chức tham gia đấu giá.
6. Hình thức thanh toán tiền cho thuê quyền khai thác tài sản (hằng năm, một lần).
7. Dự kiến nguồn thu từ khai thác tài sản: Số tiền thu được, chi phí có liên quan đến việc cho thuê quyền khai thác tài sản; số tiền nộp ngân sách nhà nước.
8. Xử lý tài sản và quyền khai thác tài sản khi kết thúc thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ ĐỂ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

.....
.....
.....
.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN LẬP ĐỀ ÁN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐỀ ÁN KHAI THÁC
TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG HÀNG HẢI
(Phương thức: Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản)

I. SỰ CẦN THIẾT THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý
 - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;
 - Bộ Luật Hàng hải năm 2015;
 - Nghị định số 84/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ.
2. Cơ sở thực tiễn
 - a) Thông tin về cơ quan quản lý tài sản lập Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải: Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ quan quản lý tài sản theo quy định của pháp luật.
 - b) Đánh giá thực trạng về hiệu quả quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải đang thực hiện thuộc phạm vi quản lý.
 - c) Về tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải dự kiến thực hiện phương thức chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản:
 - Hồ sơ pháp lý về tài sản dự kiến khai thác: Quyết định giao tài sản của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản...
 - Tài sản dự kiến khai thác theo phương thức chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác, hiện đang thực hiện khai thác theo hình thức nào? Kết quả thực hiện việc khai thác tài sản của 02 năm liền trước năm xây dựng Đề án (số tiền thu được, chi phí, số tiền nộp ngân sách nhà nước,...) của cơ quan được giao quản lý tài sản (nếu có);
 - Kế hoạch phát triển trong các năm tiếp theo.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN

1. Thông tin chủ yếu về tài sản (một phần hoặc toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải), gồm: tên tài sản; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng hoặc khối lượng hoặc chiều dài hoặc diện tích,...); nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng sử dụng của tài sản.
 Trường hợp khai thác một phần của từng tài sản theo phương thức chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản thì phải đảm bảo hoạt động giao thông hàng hải thông suốt, an toàn và không làm ảnh hưởng đến việc quản lý, sử dụng và khai thác đối với phần tài sản còn lại.
2. Nội dung dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.
3. Thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác.
4. Phương thức tổ chức thực hiện việc chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

5. Cơ sở và phương pháp xác định giá khởi điểm để chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.
6. Điều kiện của doanh nghiệp tham gia đấu giá.
7. Phương thức thanh toán.
8. Dự kiến nguồn thu từ khai thác tài sản: doanh thu, chi phí có liên quan đến việc chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản; số tiền nộp ngân sách nhà nước.
9. Xử lý tài sản và quyền khai thác tài sản khi kết thúc thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ ĐỂ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

.....
.....
.....
.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN LẬP ĐỀ ÁN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)